

PHỤ LỤC 3: DANH SÁCH 102 KHÁCH HÀNG
KHÔNG THAM GIA TỔ TỰNG DO ĐÃ CHUYỂN ĐI NƠI KHÁC HOẶC ĐỊA CHỈ KHÔNG RÕ RÀNG

(Kèm theo Bản án số: 477/2025/HS- ST, ngày 15/7/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội)

STT	Khách hàng	Số nhà/ thôn/ xóm	Xã/ phường	Quân/ huyện/ TP	Tỉnh/ TP thuộc TW	Năm sinh/SĐT	Yêu cầu bồi thường Giá trị còn lại HĐ	Số tiền đầu tư	Số tiền đã nhận	Số tiền gốc còn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Trần Quang Vinh	tổ 48	An Hải Bắc	Sơn Trà	Đà Nẵng		104.380.133	140.800.000	118.919.867	21.880.133
2	Lý Thị Sinh		Bằng Vân	Ngân Sơn	Bắc Kạn		18.037.931	12.800.000	2.262.069	10.537.931
3	Trần Thị Duyên		Cẩm Vũ	Cẩm Giàng	Hải Dương		32.800.000	25.600.000	10.200.000	15.400.000
4	Đậu Thị Lài	4/219/11 Đê Tô Hoàng	Cầu Dền	Hai Bà Trung	Hà Nội		1.075.100.000	665.600.000	76.500.000	589.100.000
5	Nguyễn Thị Vinh	tổ 2	Cầu Diễn	Nam Từ Liêm	Hà Nội		329.475.529	217.600.000	15.624.471	201.975.529
6	Cao Thị Thúy	tổ 57	Tân Triều	Thanh Trì	Hà Nội		113.500.000	64.000.000	0	64.000.000
7	Nguyễn Thị Thu Hương	Xóm 10	Cổ Nhuế	Bắc Từ Liêm	Hà Nội		64.500.000	38.400.000	0	38.400.000
8	Trần Thị Kim Ánh	TT Cầu Thăng Long	Cổ Nhuế	Bắc Từ Liêm	Hà Nội		133.989.892	153.600.000	115.610.108	37.989.892

9	Nguyễn Thị Đan	tdp Đống 4	Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	Hà Nội		43.000.000	25.600.000	0	25.600.000
10	Trần Thị Huyền	Xóm 10	Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	Hà Nội		60.306.667	76.800.000	63.893.333	12.906.667
11	Võ Thị Hường	TT LDĐC 64 Cổ Nhuế	Cổ Nhuế 2	Bắc Từ Liêm	Hà Nội		1.599.561.292	1.433.600.000	742.438.708	691.161.292
12	Vũ Thị Bình	tổ 8	Cự Khối	Long Biên	Hà Nội		21.500.000	12.800.000	0	12.800.000
13	Nguyễn Thị Ngọc Bích	87B Lý Thường Kiệt	Cửa Nam	Hoàn Kiếm	Hà Nội		109.709.232	76.800.000	14.490.768	62.309.232
14	Nguyễn Thị Chung		Đại Đồng	Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc		623.464.776	448.000.000	105.035.224	342.964.776
15	Vũ Ngọc Cảnh	Tổ 31 Đại Kim	Đại Kim	Hoàng Mai	Hà Nội		802.100.000	550.400.000	122.400.000	428.000.000
16	Cao Kim Dung	15 Trần Phú	Điện Biên	Ba Đình	Hà Nội		107.500.000	64.000.000	0	64.000.000
17	Bùi Quang Huy	B17 lô số 3 ĐTM Định Công	Định Công	Hoàng Mai	Hà Nội		213.200.000	166.400.000	66.300.000	100.100.000
18	Đỗ Thị Hồng Loan	B17 lô số 3 ĐTM Định Công	Định Công	Hoàng Mai	Hà Nội		7.084.900.000	4.518.400.000	561.000.000	3.957.400.000
19	Ngô Quang Tuấn	Tổ 5A	Định Công	Hoàng Mai	Hà Nội		35.524.138	25.600.000	5.075.862	20.524.138
20	Trịnh Phương Hoa	số 56 Ngọc Hà	Đội Cấn	Ba Đình	Hà Nội		76.000.000	51.200.000	10.000.000	41.200.000
21	Tạ Thị Ánh Nguyệt	thôn 2	Đông Khê	Đoan Hùng	Phú Thọ	0936651297	317.733.333	256.000.000	100.266.667	155.733.333
22	Nguyễn Thị Lương	Viện 109	Đồng Tâm	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc		73.516.129	76.800.000	50.683.871	26.116.129

23	Trần Thị Minh Phụng	1/37/766 La Thành	Giảng Võ	Ba Đình	Hà Nội		92.144.086	128.000.000	113.255.914	14.744.086
24	Lưu Thị Hòa	số 5 Ngõ Huyện	Hàng Trống	Hoàn Kiếm	Hà Nội		2.797.779.569	2.649.600.000	1.530.320.431	1.119.279.569
25	Ngô Tấn Quang	tổ 50B	Hòa Khánh Bắc	Liên Chiểu	Đà Nẵng	0774458165	47.799.570	51.200.000	35.800.430	15.399.570
26	Đỗ Thị Như Quỳnh		Hòa Sơn	Lương Sơn	Hòa Bình		4.851.438.706	4.019.200.000	1.785.561.294	2.233.638.706
27	Lê Thu Lan	Xóm Mới	Hòa Xá	Ứng Hòa	Hà Nội		13.376.100.00 0	9.600.000.000	2.748.900.000	6.851.100.000
28	Nguyễn Công Trang		Hồng Quang	Nam Trực	Nam Định		176.517.241	128.000.000	26.482.759	101.517.241
29	Nguyễn Thị Hằng	thôn Thanh Oai	Hữu Hòa	Thanh Trì	Hà Nội		817.000.000	486.400.000	0	486.400.000
30	Nguyễn Thị Chung	34 ngõ Hòa Bình	Khâm Thiên	Đống Đa	Hà Nội		57.516.322	51.200.000	23.683.678	27.516.322
31	Lê Thúy Hòa	38/80 Lê Trọng Tấn	Khương Mai	Thanh Xuân	Hà Nội		825.651.526	768.000.000	392.348.474	375.651.526
32	Cao Thu Yên	6A1 tổ 49A	Khương Trung	Thanh Xuân	Hà Nội		1.542.000.000	1.152.000.000	405.000.000	747.000.000
33	Nguyễn Thị Hồng	Tô Vĩnh Diện	Khương Trung	Thanh Xuân	Hà Nội		114.183.870	128.000.000	94.816.130	33.183.870
34	Phạm Thị Minh Thu	số 47/250/20	Khương Trung	Thanh Xuân	Hà Nội		172.000.000	102.400.000	0	102.400.000
35	Trần Thị Hoa	3/102/7 Tô Vĩnh Diện	Khương Trung	Thanh Xuân	Hà Nội		215.000.000	128.000.000	0	128.000.000
36	Dương Thị Dự		Kiến Khê	Thanh Liêm	Hà Nam		379.000.000	256.000.000	51.000.000	205.000.000

37	Trần Thị Hảo	148 Sơn Tây	Kim Mã	Ba Đình	Hà Nội		201.166.666	192.000.000	109.333.334	82.666.666
38	Trần Vũ Thuận		Kỳ Bá	TP Thái Bình	Thái Bình	0347999149	65.712.903	89.600.000	76.387.097	13.212.903
39	Đào Thị Tuyết	404AC1 Láng Hạ	Láng Hạ	Đống Đa	Hà Nội		831.091.395	832.000.000	494.408.605	337.591.395
40	Hồ Sỹ Thọ	P10A,116B	Láng Hạ	Đống Đa	Hà Nội		1.041.009.678	1.113.600.000	781.490.322	332.109.678
41	Trần Kim Phượng	72/68 Nguyễn Hồng	Láng Hạ	Đống Đa	Hà Nội		1.416.355.915	1.792.000.000	1.449.644.085	342.355.915
42	Khuong Hồng Yến	số 10 Đội Cung	Lê Đại Hành	Hai Bà Trưng	Hà Nội		2.775.000.000	1.920.000.000	510.000.000	1.410.000.000
43	Vũ Thị Tuyết Nhung		Liên Cẩn	Thanh Liêm	Hà Nam		182.034.483	128.000.000	20.965.517	107.034.483
44	Trương Thị Nghiêm	P39 TT QKTĐ Liễu Giai	Liễu Giai	Ba Đình	Hà Nội		422.699.999	320.000.000	108.800.001	211.199.999
45	Trần Thị Gấm	55/75 Trần Thái Tông	Lộc Vượng	TP Nam Định	Nam Định		133.400.000	128.000.000	81.600.000	46.400.000
46	Trần Trung Hiếu	55/75 Trần Thái Tông	Lộc Vượng	TP Nam Định	Nam Định		400.200.000	384.000.000	244.800.000	139.200.000
47	Nguyễn Kiều Hương	số 22 Lò Sũ	Lý Thái Tổ	Hoàn Kiếm	Hà Nội		21.500.000	12.800.000	0	12.800.000
48	Vũ Thị Mến		Minh Đức	Tứ Kỳ	Hải Dương		403.263.776	512.000.000	408.736.224	103.263.776
49	Nguyễn Thị Thoa	P5 tầng 3N1 QKTĐ	Nam Đồng	Đống Đa	Hà Nội		486.866.668	384.000.000	146.133.332	237.866.668
50	Đào Thị Mơ		Nga Bạch	Nga Sơn	Thanh Hóa		776.593.333	780.800.000	521.706.667	259.093.333

51	Lê Thị Kim Nụ	số 2 ngõ 58 tổ 1E Đường Láng	Ngã Tư Sở	Đống Đa	Hà Nội		221.000.000	128.000.000	0	128.000.000
52	Trịnh Mậu Thìn	Dốc Linh	Nghĩa Phương	Lục Nam	Bắc Giang		84.948.276	64.000.000	16.551.724	47.448.276
53	Hồ Thị Thu Hằng	P40-A3	Nghĩa Tân	Cầu Giấy	Hà Nội		133.400.000	128.000.000	81.600.000	46.400.000
54	Ngô Hồng Nhung	TTXN 130	Ngọc Hồi	Thanh Trì	Hà Nội		86.000.000	51.200.000	0	51.200.000
55	Đỗ Thị Thịnh	402-V3TT ĐHGTVT	Ngọc Khánh	Ba Đình	Hà Nội		21.500.000	12.800.000	0	12.800.000
56	Trần Thị Hồng Hoa	18/2/377/7A	Nguyễn Văn Cừ	Long Biên	Hà Nội		32.548.387	25.600.000	8.051.613	17.548.387
57	Nguyễn Thị Phương Anh	53 Hoàng Cầu	Ô Chợ Dừa	Đống Đa	Hà Nội		145.166.666	192.000.000	165.333.334	26.666.666
58	Nguyễn Thị Lê		Phú Châu	Ba Vì	Hà Nội		938.924.947	716.800.000	248.275.053	468.524.947
59	Trần Thị Vân	TDP 8	Phú La	Hà Đông	Hà Nội		351.560.000	281.600.000	114.240.000	167.360.000
60	Đỗ Mạnh Hoàng	P702-CT1 khu PCCC1 Complex Phú Lương	Phú Lương	Hà Đông	Hà Nội		311.774.194	256.000.000	106.225.806	149.774.194
61	Lê Thị Bảo Ngọc		Phúc La	Hà Đông	Hà Nội	0396216383	129.000.000	76.800.000	0	76.800.000
62	Lê Thị Bảo Ngọc		Phúc La	Hà Đông	Hà Nội		64.500.000	38.400.000	0	38.400.000
63	Nguyễn Thị Lý	B2TT17 Văn Quán	Phúc La	Hà Đông	Hà Nội		406.656.559	294.400.000	81.843.441	212.556.559
64	Trần Hồng Vũ		Phúc La	Hà Đông	Hà Nội	0396216383	43.000.000	25.600.000	0	25.600.000

65	Vũ Văn Yêm	Đô thị Xa La	Phúc La	Hà Đông	Hà Nội	0902280833	1.154.492.473	896.000.000	314.507.527	581.492.473
66	Nguyễn Thị Huyền Trang	Phúc Hòa	Phúc Ứng	Sơn Dương	Tuyên Quang		72.593.103	51.200.000	8.606.897	42.593.103
67	Nguyễn Thị Yên		Phúc Ứng	Sơn Dương	Tuyên Quang		86.558.065	64.000.000	17.341.935	46.658.065
68	Hoàng Thị Thanh	1B ngõ 12 Nghĩa Dũng	Phúc Xá	Ba Đình	Hà Nội		82.000.000	64.000.000	25.500.000	38.500.000
69	Phạm Quang Doanh		Phùng Chí Kiên	TP Bắc Kạn	Bắc Kạn		579.266.666	512.000.000	268.733.334	243.266.666
70	Phạm Thị Hồng Loan	125 Trần Nhật Duật	Phước Hòa	Nha Trang	Khánh Hòa		172.655.172	128.000.000	30.344.828	97.655.172
71	Đoàn Hoài Nam	8/3 Trường Chinh	Phương Liệt	Thanh Xuân	Hà Nội		213.200.000	166.400.000	66.300.000	100.100.000
72	Phạm Anh Tú	299 Thống Nhất	phương sơn	Nha Trang	Khánh Hòa		379.800.000	435.200.000	327.200.000	108.000.000
73	Nguyễn Mạnh Thường	Trần Nhân Tông 2	Quán Trữ	Kiến An	Hải Phòng		574.416.841	588.800.000	389.383.159	199.416.841
74	Nguyễn Thị Bình	Đội 4	Tả Thanh Oai	Thanh Trì	Hà Nội		16.325.806	12.800.000	3.974.194	8.825.806
75	Nguyễn Thị Hoan	Đội 4 Tả Thanh Oai	Tả Thanh Oai	Thanh Trì	Hà Nội		6.486.000.000	3.840.000.000	0	3.840.000.000
76	Nguyễn Thị Nga	Cụm 4	Tân Hội	Đan Phượng	Hà Nội		91.017.241	64.000.000	10.482.759	53.517.241
77	Nguyễn Thị Thu Trang	Yên Xá	Tân Triều	Thanh Trì	Hà Nội		32.800.000	25.600.000	10.200.000	15.400.000
78	Lê Thị Tựa		Tây Ninh	Tiền Hải	Thái Bình		70.259.955	64.000.000	31.240.045	32.759.955

79	Nguyễn Thanh Thủy	107 G2 Thành Công	Thành Công	Ba Đình	Hà Nội		2.269.632.258	1.971.200.000	976.567.742	994.632.258
80	Nguyễn Thị Hồng Vân	109B2A	Thành Công	Ba Đình	Hà Nội		107.500.000	64.000.000	0	64.000.000
81	Nguyễn Thị Thanh Tú	310 nhà E6 TT Thành Công	Thành Công	Ba Đình	Hà Nội		107.500.000	64.000.000	0	64.000.000
82	Vũ Thị Thư	P109B2A	Thành Công	Ba Đình	Hà Nội		107.500.000	64.000.000	0	64.000.000
83	Trịnh Thị Hồng Yến	P19, A2 TT Phần Viện	Thanh Xuân Bắc	Thanh Xuân	Hà Nội		215.000.000	128.000.000	0	128.000.000
84	Phạm Tuyết Chinh	P201 Nhà H13	Thanh Xuân Nam	Thanh Xuân	Hà Nội		167.226.918	128.000.000	35.773.082	92.226.918
85	Hoàng Thị Liên		Thị trấn Du	Phú Lương	Thái Nguyên		84.120.690	64.000.000	17.379.310	46.620.690
86	Mai Anh Tuấn	số 3 ngõ 1	Tô Vĩnh Diện	Thanh Xuân	Hà Nội		45.883.655	64.000.000	55.616.345	8.383.655
87	Trần Thị Thu Thủy	TT Trường CĐLĐXH tổ 12	Trung Hòa	Cầu Giấy	Hà Nội		150.500.000	89.600.000	0	89.600.000
88	Trần Thị Tơ	Tổ 16 Trung Hòa	Trung Hòa	Cầu Giấy	Hà Nội		1.207.500.000	806.400.000	153.000.000	653.400.000
89	Trần Anh Tuấn	1139B tổ 9	Trung Liệt	Đống Đa	Hà Nội		747.268.966	460.800.000	19.531.034	441.268.966
90	Trịnh Thu Hà	số 1 tổ 1B	Trung Liệt	Đống Đa	Hà Nội	0913052827	1.121.300.000	704.000.000	61.200.000	642.800.000
91	Nguyễn Thị Mai Liên	101 ngõ chợ Khâm Thiên	Trung Phụng	Đống Đa	Hà Nội		21.500.000	12.800.000	0	12.800.000
92	Nguyễn Thị Vui	số 98 ngõ 8	Trung Phụng	Đống Đa	Hà Nội		103.365.406	89.600.000	38.734.594	50.865.406

93	Nguyễn Thị Mai		Trung Sơn	Tam Điệp	Ninh Bình		88.180.645	102.400.000	74.219.355	28.180.645
94	Phạm Đức Thuật		Trung Sơn	Tam Điệp	Ninh Bình		120.863.442	115.200.000	63.036.558	52.163.442
95	Giang Thị Hạnh	TDP 5	TT Mậu A	Văn Yên	Yên Bái	0964183958	84.006.666	89.600.000	64.093.334	25.506.666
96	Mai Giang Linh	TDP 5	TT Mậu A	Văn Yên	Yên Bái	0969640279	28.396.092	38.400.000	32.503.908	5.896.092
97	Nguyễn Thị Thanh Hòa	tổ 52	Tương Mai	Hoàng Mai	Hà Nội		449.986.667	332.800.000	101.813.333	230.986.667
98	Nguyễn Thị Thu Hoài	xóm Hậu	Uy Nỗ	Đông Anh	Hà Nội		237.083.871	204.800.000	99.716.129	105.083.871
99	Đàm Đình Hòa		Vệ An	TP Bắc Ninh	Bắc Ninh		68.100.000	38.400.000	0	38.400.000
100	Hoàng Công Phương	Ngọc Chi	Vĩnh Ngọc	Đông Anh	Hà Nội		120.268.966	76.800.000	5.131.034	71.668.966
101	Phan Đặng Nam Phương	34 Đoàn Trần Nghiệp	Vĩnh Phước	Nha Trang	Khánh Hòa		69.666.452	89.600.000	72.433.548	17.166.452
Tổng cộng:		(8) 68.639.478.727		(9) 52.723.200.000		(10) 18.884.621.273		(11) 33.838.578.727		